

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Bá Chính
Bà Trịnh Thanh Nhân
Bà Mạc Thị Nhung

Chủ tịch hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Mạc Thị Nhung

Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện Theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Bá Chính

Chủ tịch hội đồng quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

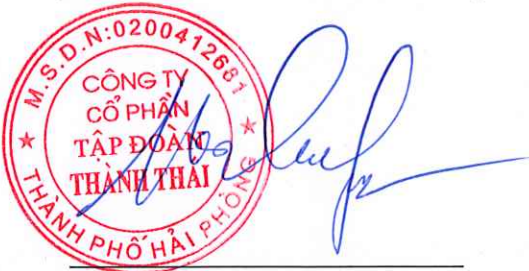
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Mạc Thị Nhung

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 08 năm 2025

Số. 21/BCSX-UHYHP

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 08 năm 2025, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Hồng Hiền

Giám đốc Chi nhánh

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1117-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Hải Phòng, ngày 15 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.432.133.885	74.175.644.922
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.400.800.458	822.590.706
1. Tiền	111		7.400.800.458	822.590.706
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.106.131.270	59.977.030.133
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.681.838.750	15.135.230.734
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.626.161.792	1.626.061.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	44.600.000.000	43.985.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.485.547.644	518.155.315
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.287.416.916)	(1.287.416.916)
III. Hàng tồn kho	140	8	4.807.212.366	12.066.971.706
1. Hàng tồn kho	141		5.556.890.436	12.066.971.706
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(749.678.070)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.117.989.791	1.309.052.377
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	1.117.989.791	1.309.052.377
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.730.630.137	4.149.745.659
I. Tài sản cố định	220		2.754.610.619	3.105.869.831
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.754.610.619	3.105.869.831
- Nguyên giá	222		27.970.188.389	27.970.188.389
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.215.577.770)	(24.864.318.558)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		677.697.312	677.697.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(677.697.312)	(677.697.312)
II. Tài sản dài hạn khác	260		976.019.518	1.043.875.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	976.019.518	1.043.875.828
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		65.162.764.022	78.325.390.581

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.166.402.073	31.181.451.843
I. Nợ ngắn hạn	310		17.416.402.073	30.431.451.843
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	3.132.057.632	16.869.782.988
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.671.166.885	56.659.494
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	451.107.556	149.834.407
4. Phải trả người lao động	314		109.755.000	454.725.914
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	49.171.473
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	64.417.631	51.945.491
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	10.011.565.293	11.722.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		976.332.076	1.077.332.076
II. Nợ dài hạn	330		750.000.000	750.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	750.000.000	750.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.996.361.949	47.143.938.738
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	46.996.361.949	47.143.938.738
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.696.860.498)	(2.696.860.498)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.200.000.000	5.200.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.817.747)	(2.817.747)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.503.959.806)	(7.356.383.017)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(7.356.383.017)	(14.248.422.827)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(147.576.789)	6.892.039.810
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		65.162.764.022	78.325.390.581



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 08 năm 2025



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	01		9.948.866.184	72.209.537.437
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	9.948.866.184	72.209.537.437
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	9.556.619.100	70.042.816.050
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		392.247.084	2.166.721.387
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.691.451.152	1.364.359.606
7. Chi phí tài chính	22	21	489.109.740	914.221.907
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		489.109.740	914.221.907
8. Chi phí bán hàng	25	22	255.292.270	1.026.193.556
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.486.873.018	1.617.883.982
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(147.576.792)	(27.218.452)
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}				
11. Thu nhập khác	31		3	507.701.513
12. Chi phí khác	32		-	8.800.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3	498.901.513
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(147.576.789)	471.683.061
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(147.576.789)	471.683.061
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(28)	91



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 08 năm 2025



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng





Mạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		27.009.780.447	77.157.266.331
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(16.449.758.861)	(30.166.444.851)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.299.044.545)	(1.784.944.670)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(505.873.806)	(950.210.400)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		427.385	314.670.850
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(575.517.599)	(295.687.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.180.013.021	44.274.649.820
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(89.580.000.000)	(33.178.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		88.965.000.000	11.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		723.631.438	1.982.830.478
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		108.631.438	(20.195.169.522)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	14	12.188.462.733	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	14	(13.898.897.440)	(20.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.710.434.707)	(20.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		6.578.209.752	3.779.480.298
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	822.590.706	307.444.877
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	4	7.400.800.458	4.086.925.175


Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 08 năm 2025


Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng


Mạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200412681 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 16 ngày 16/12/2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là KKC.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 là: 52.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động thương mại.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh sắt thép các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trong vòng 12 tháng.

Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 8 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 9 nhân viên).

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm theo quy định.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 15
Thiết bị quản lý	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chi phí để có Quyền sử dụng 8.742 m² đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm và đã trả trước tiền thuê đất nhiều năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng đến tháng 12/2032; ngày 26/06/2019 Công ty được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán bao gồm tiền thuê đất và công cụ dụng cụ.

Tiền thuê đất: Phản ánh chi phí để có Quyền sử dụng 4.933,4 m² đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng và được phân bổ theo thời gian thuê đất.

Công cụ dụng cụ: bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong kỳ được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	19.647.523	24.652.167
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.381.152.935	797.938.539
Cộng	7.400.800.458	822.590.706

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>1.681.838.750</i>	<i>15.135.230.734</i>
Công ty TNHH Đầu tư TM và Dịch vụ Thịnh Tiến	357.420.834	13.811.758.818
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu	789.002.100	789.002.100
Đối tượng khác	535.415.816	534.469.816
Cộng	1.681.838.750	15.135.230.734
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết xem tại thuyết minh 23)</i>		

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể	Giá gốc	Giá trị có thể
	VND	thu hồi được	VND	thu hồi được
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>44.600.000.000</i>	<i>44.600.000.000</i>	<i>43.985.000.000</i>	<i>43.985.000.000</i>
Công ty Cổ phần				
Thành Đức	44.600.000.000	44.600.000.000	43.985.000.000	43.985.000.000
Holding				
Cộng	44.600.000.000	44.600.000.000	43.985.000.000	43.985.000.000

Phản ánh khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Thành Đức Holding vay Theo hợp đồng số 2024-15/HĐVT/TT-TĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024, thời hạn cho vay từ tháng 11/2024 đến 31/12/2025, lãi suất cho vay bằng với lãi suất cho vay của ngân hàng HD bank tại thời điểm chuyển tiền; khoản cho vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là 482 m² đất thương mại dịch vụ tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 38, sổ sổ cấp GCN CT22220, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

7. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Trích lập	Giá gốc	Trích lập
	VND	dự phòng	VND	dự phòng
	VND	VND	VND	VND
DN tư nhân Phương Lưu	789.002.100	(789.002.100)	789.002.100	(789.002.100)
Công ty cơ khí XDCT giao thông 121	110.876.177	(110.876.177)	110.876.177	(110.876.177)
Công ty CP thép Châu Phong	146.318.825	(146.318.825)	146.318.825	(146.318.825)
Khác	241.219.814	(241.219.814)	241.219.814	(241.219.814)
Cộng	1.287.416.916	(1.287.416.916)	1.287.416.916	(1.287.416.916)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	5.556.890.436	749.678.070	12.066.971.706	-
Cộng	5.556.890.436	749.678.070	12.066.971.706	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Dài hạn</i>	<i>976.019.518</i>	<i>1.043.875.828</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.631.807	13.263.627
Chi phí để có quyền thuê đất (*)	969.387.711	1.030.612.201
Cộng	976.019.518	1.043.875.828

(*) Chi phí để có Quyền sử dụng 4.933,4 m² đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng.**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thu trong năm VND	Số cuối kỳ VND
<i>Phải thu</i>				
Thuế TNCN	-	15.155.414	-	15.155.414
Thuế nhà đất	1.309.052.377	-	206.218.000	1.102.834.377
Cộng	1.309.052.377	15.155.414	206.218.000	1.117.989.791
<i>Phải nộp</i>				
Thuế TNCN	2.380.161	3.000.000	5.380.161	-
Thuế GTGT	147.454.246	993.014.886	689.361.576	451.107.556
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	149.834.407	1.000.014.886	698.741.737	451.107.556

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngổ Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	16.053.783.099	4.636.602.637	7.042.894.665	33.445.455	203.462.533	27.970.188.389
Phân loại lại	-	-	-	138.280.000	(138.280.000)	-
Tại ngày cuối kỳ	16.053.783.099	4.636.602.637	7.042.894.665	171.725.455	65.182.533	27.970.188.389
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	13.050.616.090	4.583.264.275	7.042.894.665	33.445.455	154.098.073	24.864.318.558
Khấu hao trong năm	310.762.026	26.669.184	-	-	13.828.002	351.259.212
Phân loại lại	-	-	-	102.743.542	(102.743.542)	-
Tại ngày cuối kỳ	13.361.378.116	4.609.933.459	7.042.894.665	136.188.997	65.182.533	25.215.577.770
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	3.003.167.009	53.338.362	-	-	49.364.460	3.105.869.831
Tại ngày cuối kỳ	2.692.404.983	26.669.178	-	35.536.458	-	2.754.610.619

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 với giá trị 2.884.206.889 đồng (01/01/2025: 22.884.206.889 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	3.132.057.632	3.132.057.632	16.869.782.988	16.869.782.988
Công ty CP SX TM DV Thiết bị công nghiệp Phương Nam	2.804.024.488	2.804.024.488	3.804.024.488	3.804.024.488
Công ty Cổ phần DP Invest	-	-	12.735.578.416	12.735.578.416
Công ty Cổ Phần Sông Hồng	138.757.916	138.757.916	138.757.916	138.757.916
Cty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	189.275.228	189.275.228	189.275.228	189.275.228
Các đối tượng khác	-	-	2.146.940	2.146.940
Cộng	3.132.057.632	3.132.057.632	16.869.782.988	16.869.782.988

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	64.417.631	51.945.491
Kinh phí công đoàn	62.397.631	49.925.491
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.020.000	2.020.000
Dài hạn	750.000.000	750.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	750.000.000	750.000.000
Cộng	814.417.631	801.945.491

(*) Nhận ký quỹ theo hợp đồng thuê đất số 2024-11/HĐKB/TT-ĐP, theo đó:

- Tổng diện tích cho thuê: 14.000 m2.
- Thời gian thuê: từ 4/9/2024 đến hết 31/10/2030.
- Giá thuê: 250.000.000 VND/năm (chưa bao gồm thuế GTGT).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối kỳ	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị VND	Trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Trả nợ VND
Vay ngắn hạn	11.722.000.000	11.722.000.000	12.188.462.733	13.898.897.440	10.011.565.293	10.011.565.293
Ngân hàng TMCP phát triển TP. HCM (1)	11.722.000.000	11.722.000.000	12.188.462.733	13.898.897.440	10.011.565.293	10.011.565.293
Cộng	11.722.000.000	11.722.000.000	12.188.462.733	13.898.897.440	10.011.565.293	10.011.565.293

(1) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 32377/24MB/HETD ngày 25/12/2024 với tổng hạn mức là 25 tỷ đồng trong vòng 12 tháng, thời hạn trả nợ theo kế ước nhận nợ cụ thể, mục đích vay dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép; Số tiền vay, lãi suất, kỳ hạn theo từng kế ước nhận nợ cụ thể.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm trước	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	1.301.511.824	(14.248.422.827)	41.553.410.752
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	6.892.039.810	6.892.039.810
Giảm khác	-	-	-	-	(1.301.511.824)	-	(1.301.511.824)
Số đầu năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	-	(7.356.383.017)	47.143.938.738
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(147.576.789)	(147.576.789)
Số cuối kỳ	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	-	(7.503.959.806)	46.996.361.949

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)*****Vốn điều lệ***

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của công ty là 52.000.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/06/2025 như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Tập đoàn T&D Group	44.553.690.000	85,68	44.553.690.000	85,68
Cổ đông khác	7.446.310.000	14,32	7.446.310.000	14,32
Cộng	52.000.000.000	100	52.000.000.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	52.000.000.000	52.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	184	184
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.199.816	5.199.816
- Cổ phiếu phổ thông	5.199.816	5.199.816

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

16. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	599,66	599,66

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***17. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận chính yếu:**

Theo lĩnh vực kinh doanh, trong đó doanh thu bán hàng hóa là doanh thu liên quan đến hàng thương mại các mặt hàng sắt, thép là hoạt động chính; hoạt động cho thuê kho bãi, vận chuyển là hoạt động thứ yếu:

Năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Kinh doanh thương mại	8.064.610.560	8.806.941.030	(742.330.470)
Hoạt động khác	1.884.255.624	-	1.884.255.624
Cộng	9.948.866.184	8.806.941.030	1.141.925.154

Năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Kinh doanh thương mại sắt, thép	70.870.343.870	70.042.816.050	827.527.820
Hoạt động khác	1.339.193.567	-	1.339.193.567
Cộng	72.209.537.437	70.042.816.050	2.166.721.387

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính tại địa bàn Hải Phòng.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong năm	9.948.866.184	72.209.537.437
Doanh thu thương mại	8.064.610.560	70.870.343.870
Doanh thu hoạt động khác	1.884.255.624	1.339.193.567
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	9.948.866.184	72.209.537.437

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	8.806.941.030	70.042.816.050
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	749.678.070	-
Cộng	9.556.619.100	70.042.816.050

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***20. THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	427.385	367.966
Lãi cho vay	1.691.023.767	1.361.511.085
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.480.555
Cộng	1.691.451.152	1.364.359.606

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	489.109.740	914.221.907
Cộng	489.109.740	914.221.907

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>255.292.270</i>	<i>1.026.193.556</i>
Chi phí nhân viên	-	662.522.744
Chi phí khấu hao TSCĐ	135.705.798	163.330.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.586.472	191.670.012
Các khoản chi phí QLDN khác	-	8.670.000
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>1.486.873.018</i>	<i>1.617.883.982</i>
Chi phí nhân viên	969.545.771	1.038.982.122
Chi phí khấu hao TSCĐ	215.553.414	215.553.414
Thuế, phí và lệ phí	210.218.000	140.359.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.555.833	220.968.896
Chi phí khác	3.000.000	2.020.000

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(147.576.789)	471.683.061
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	(147.576.789)	471.683.061
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	5.199.816	5.199.816
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(28)	91

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Bản chất bên liên quan
Công ty Cổ phần tập đoàn T&D Group	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	Cùng cổ đông kiểm soát với T&D
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh	Cùng Công ty mẹ (T&D)
Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người thân của các thành viên Ban lãnh đạo	Ban lãnh đạo

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Công ty Cổ phần Thành Đức Holding</i>		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	-	742.896.000
Thu tiền bán hàng	-	10.307.698.473
Cho vay ngắn hạn	44.980.000.000	33.178.000.000
Thu nợ vay	44.365.000.000	-
Lãi tiền vay	1.691.023.767	1.361.511.085
Tiền thu từ lãi cho vay	723.631.438	11.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần tập đoàn T&D Group</i>		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	-	340.936.530
Thu tiền bán hàng	-	8.812.314.088

Số dư với các bên liên quan

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Công ty CP Thành Đức Holding</i>		
Phải thu tiền cho vay	44.600.000.000	43.985.000.000
Lãi vay phải thu	1.485.547.644	518.155.315

Các khoản lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Trịnh Thanh Nhân - Thành viên HĐQT	16.200.000	16.200.000
Ông Phạm Bá Chính- Chủ tịch HĐQT	162.300.000	162.300.000
Bà Mạc Thị Nhung - Tổng Giám đốc	172.413.026	177.704.722

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hoạt động từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 đã được soát xét.



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 08 năm 2025



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc